

KINH VERANJAKA - SUTTA (và KINH NAKULAPITA – SUTTA)

Hoang Phong

Veranja là một địa danh, vào thời kỳ của Đức Phật thì có thể đây là tên của một thôn ấp hay một ngôi làng thế nhưng ngày nay thì địa danh này không còn nữa. Nhà sư Tích Lan Môhan Wijayaratna gọi kinh *Veranjaka-Sutta* là "*Kinh về các nam Thiên Nhân và các nữ Thiên Nhân*". Kinh này được ghi chép trong *Tăng Chi Bộ Kinh* (*Anguttara Nikaya*, quyển III, 57-59, ấn bản PTS, 1885-1910). Sở dĩ phải trình bày dài dòng như trên đây là vì có một bản kinh khác cũng mang tên là kinh *Veranjaka-Sutta*, thế nhưng dài hơn và được xếp vào *Trung Bộ Kinh* (*Majjhima Nikaya*, tập I, kinh số 42),

và đã được Hòa Thượng Thích Minh Châu Việt dịch trong Đại Tạng Kinh Việt Nam (Kinh Trung Bộ, người đọc có thể xem kinh này trên các trang web [thuvienhoasen](#), [quangduc](#)...). Rất có thể là cả hai bản kinh trên đây đã được Đức Phật thuyết giảng chung trong dịp Ngài tiếp xúc với các vị "chủ gia đình" lưu ngụ tại Veranja, thế nhưng lại cũng có thể là vì hai bản kinh dài ngắn khác nhau nên đã được xếp vào hai Bộ kinh khác nhau chăng?

Dưới đây là phần chuyển ngữ bản kinh *Veranjika Sutta* ngắn tức là "*Kinh về các nam Thiên Nhân và các nữ Thiên Nhân*". Phần chuyển ngữ chủ yếu được dựa vào hai bản dịch: một từ tiếng Pa-li sang tiếng Pháp của Môhan Wijayaratna, (*Sermons du Bouddha*,

nxb Cerf, 1988, tr. 67-69), và một từ bản dịch từ tiếng Pa-li sang tiếng Anh của hai nhà sư Tích Lan là Nyanaponika Thera và Bhikkhu Bodhi thực hiện (Samyutta Nikaya, Part III, Chap. I, Div. I, selected and translated from the Pali by Nyanaponika Thera and Bhikkhu Bodhi).

Veranjaka Sutta

Kinh về các nam Thiên Nhân và các nữ Thiên Nhân

(Anguttara Nikaya, III, 57-59, PTS, 1885-1910)

Tiết 6-1

"Có một lần Đấng Thế Tôn đang du hành trên con đường cái nôi liền giữa Mandura và Veranja, thì vào lúc ấy có một đám đông các vị chủ gia đình cùng

với các bà vợ của họ cũng cùng đi trên trục lộ quan trọng này.

"Đấng Thế Tôn rời khỏi đường cái và ngồi xuống một chiếc ghế được đặt dưới một gốc cây cạnh bên vệ đường. Trông thấy Đấng Thế Tôn ngồi [nghỉ chân], đám người chủ gia đình cùng với các bà vợ bèn tiến đến gần, họ đánh lễ Đấng Thế Tôn rồi lùi lại và ngồi sang một bên. Khi họ đã an tọa thì Đấng Thế Tôn cất lời với họ như sau:

Tiết 6-2

"Này các người chủ gia đình, có bốn cách sống chung (trong cuộc sống lứa đôi). Vậy bốn cách sống ấy là gì? [Đây là] một người đàn ông giống như một xác chết sống với một người đàn bà giống như một xác chết; một người đàn

ông giống như một xác chết sống với một người đàn bà giống như một nữ thiên nhân; một người đàn ông giống như một thiên nhân sống với một người đàn bà giống như một xác chết; một người đàn ông giống như một thiên nhân sống với một người đàn bà giống như một nữ thiên nhân.

Tiết 6-3

"Này các người chủ gia đình, [vậy] một người đàn ông giống như một xác chết sống với một người đàn bà giống như một xác chết là thế nào? Trong trường hợp ấy, này các người chủ gia đình, người chồng là một kẻ sát sinh, hấn phạm vào tội ăn cắp, vương vào hành vi tính dục bất chính, nói dối, dùng những thức uống làm say sưa khiến bị lầm lẫn và xao lãng, hấn là

người hung dữ gây ra khổ đau cho người khác, sống với tâm địa ô uế, nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ.

Tiết 6-4

"Vợ hấn cũng là một kẻ sát sinh, ăn cắp, vướng vào hành vi tính dục bất chính, nói dối, dùng những thức uống làm say sưa khiến bị lầm lẫn và xao lãng, vợ hấn là người hung dữ gây ra khổ đau cho người khác, sống với tâm địa ô uế, nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ. Nay các người chủ gia đình, đây chính là một người đàn ông giống như một xác chết sống với một người đàn bà giống như một xác chết.

Tiết 6-5

"Nay các người chủ gia đình, vậy thì một người đàn ông giống như một xác

chết sống với một người đàn bà giống như một nữ thiên nhân là thế nào? Trong trường hợp ấy người chồng là một kẻ sát sinh, phạm vào tội ăn cắp, vướng vào những hành vi tính dục bất chính, nói dối, dùng những thức uống làm say sưa khiến bị lầm lẫn và xao lãng, hẳn là người hung dữ gây ra khổ đau cho người khác, sống với tâm địa ô uế, nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ.

Tiết 6-6

"Trong khi đó thì vợ hẳn là người không sát sinh, không phạm vào tội ăn cắp, tránh được những hành vi tính dục bất chính, không nói dối, không dùng những thức uống làm say sưa khiến bị lầm lẫn và xao lãng, vợ hẳn sống với tâm địa tinh khiết, không gây

ra khổ đau cho người khác, không nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ. Nay các người chủ gia đình, chính đây là một người đàn ông giống như một xác chết sống với một người đàn bà giống như một nữ thiên nhân.

Tiết 6-7

"Nay các người chủ gia đình, vậy thì một người đàn ông giống như một thiên nhân sống với một người đàn bà giống như một xác chết là thế nào? Trong trường hợp ấy, người chồng không sát sinh, không phạm vào tội ăn cắp, tránh được những hành vi tính dục bất chính, không nói dối, không dùng những thức uống làm say sưa khiến bị làm lẫn và xao lãng, hấn sống với tâm địa tinh khiết, không gây ra

khổ đau cho người khác, không nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ.

Tiết 6-8

"Trong khi đó thì vợ hấn sát sinh, phạm vào tội ăn cắp, phạm vào những hành vi tính dục bất chính, nói dối, dùng rượu thức uống làm say sưa khiến bĩ lâm lẫn và xao lãng, vợ hấn sống với tâm địa ô uế, gây ra khổ đau cho người khác, nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ. Nay các người chủ gia đình, chính đây là một người đàn ông giống như một thiên nhân sống với một người đàn bà giống như một xác chết.

Tiết 6-9

"Nay các người chủ gia đình, vậy thì một người đàn ông giống như một

thiên nhân sống với một người đàn bà giống như một nữ thiên nhân là thế nào? Trong trường hợp ấy, người chồng không sát sinh, không phạm vào tội ăn cắp, tránh được những hành vi tính dục bất chính, không nói dối, không dùng những thức uống làm say sưa khiến bị lầm lẫn và xao lãng, hấn sống với tâm địa tinh khiết, không gây ra khổ đau cho người khác, không nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ.

Tiết 6-10

"Vợ hấn cũng không sát sinh, không phạm vào tội ăn cắp, tránh được những hành vi tính dục bất chính, không nói dối, không dùng những thức uống làm say sưa khiến bị lầm lẫn và xao lãng, vợ hấn sống với tâm địa tinh khiết, không gây ra khổ đau cho người

khác, không nhục mạ người tu hành và các vị tu sĩ. Nay các người chủ gia đình, chính đây là một người đàn ông giống như một thiên nhân sống với một người đàn bà giống như một nữ thiên nhân.

"Nay các người chủ gia đình, đây là bốn cách sống chung (trong đời sống lứa đôi)".

Vài lời ghi chú

Trên bình diện tổng quát thì các bài thuyết giảng của Đức Phật hầu hết đều nhằm vào các chủ đề thật khúc triết và những khái niệm thật căn bản trong giáo lý, chủ yếu là nhằm vào những người xuất gia, tức là những môn đệ của Ngài. Tuy nhiên người ta cũng tìm thấy một số bài giảng dành cho người

thế tục, nhằm mục đích giúp họ mang lại hạnh phúc và sự hài hòa trong gia đình, thực thi một cuộc sống đạo đức, ý thức được bốn phận của họ trong cộng đồng xã hội.

Theo dòng tiến hóa của xã hội hơn hai ngàn năm trăm năm, tất nhiên các quan niệm về gia đình, đạo đức, phong tục cũng đã biến đổi không ngừng để thích nghi với các nền văn hóa khác nhau và các chủng tộc khác nhau. Thế nhưng trên căn bản thì các quy luật đạo đức quy định cho nếp sống gia đình và cách xử thế giữa con người với nhau mà Đức Phật chủ trương vẫn còn giữ được giá trị đến ngày nay. Những gì mà Ngài thuyết giảng và chỉ dạy cho những con người thời bấy giờ đôi khi cũng khiến chúng ta phải bàng hoàng vì ngỡ rằng

Ngài đang thuyết giảng cho chính chúng ta hôm nay.

Trong số những bài thuyết giảng ở cấp bậc "thấp" tức mang tính cách đại chúng, dành cho người thế tục, Đức Phật đã nêu lên rất nhiều chủ đề khác nhau liên quan đến gia đình, xã hội, sự giao tiếp giữa con người với nhau. Đôi khi Ngài giảng rất chi tiết và đưa ra nhiều thí dụ rất cụ thể về các cách xử thế cần phải chọn. Trong quyển sách trên đây, Môhan Wijayaratna có trích dẫn một số kinh thuộc vào lãnh vực này, chẳng hạn như Đức Phật dạy một vị chủ nhân phải làm thế nào để tạo ra sự hợp tác tốt đẹp với người làm công (kinh *Sigalovada-sutta*, *Digha Nikaya*. III, 180), người chủ gia đình nên làm thế nào để mọi người chung quanh

kính mền mình (kinh *Vasala-sutta*, *Suttanipata*, v. 116-142), làm thế nào để tránh khỏi cảnh sa sút và nghèo đói (kinh *Parabhava-sutta*, *Suttanipata*, 91-115), phải dùng đồng tiền như thế nào (kinh *Vyaggapajja-sutta*, *Anguttara Nikaya*. IV, 281-282), v.v...

Tóm lại Đức Phật không những chỉ thuyết giảng những gì thật cao siêu mà Ngài cũng đã mang lại những giải pháp cụ thể giúp người thế tục đạt những khát vọng đôi khi rất đơn sơ và chân thật của họ, chẳng hạn như trong câu chuyện khá cảm động sau đây ghi lại trong một bản kinh thật ngắn là *Nakulapita-Sutta* (*Anguttara Nikaya*. II, 61-62). Đây là câu chuyện của một đôi vợ chồng đã lớn tuổi thên hưng vẫn quần quýt bên nhau, họ hỏi Đức Phật

phải làm thế nào để họ còn tiếp tục tìm thấy nhau trong các kiếp sống tương lai. Vì bản kinh không quá dài do đó cũng xin chuyển ngữ toàn bộ như dưới đây để thay cho phần kết luận và cũng để bổ túc thêm cho bản kinh *Veranjaka-Sutta* đã trình bày trên đây. Phần chuyển ngữ được dựa vào bản dịch từ tiếng Pa-li sang tiếng Anh của Nyanaponika Thera và Bhikkhu Bodhi ("*An anthology of Suttas from the Anguttara Nikāya*", selected and translated from the Pāli by Nyanaponika Thera and Bhikkhu Bodhi, Edited by Nyanaponika Thera):

Nakulapita-Sutta

Kinh "Làm thế nào để gặp lại nhau trong các kiếp sống tương lai"

**(Anguttara Nikaya, II, 61-62, PTS,
1885-1910)**

"Có một lần Đấng Thế Tôn lưu ngụ với những người dân trong vùng Bhagga, gần thị trấn Sumsumaragiri, thuộc khu rừng Lộc Uyển, nơi hang Bhesakala. Một hôm, vào lúc tinh sương, Đấng Thế Tôn khoác thêm tấm y thượng (áo ấm) lên người, cầm bình bát và đi đến nhà một người chủ gia đình tên là Nakulapita. Khi đến nhà người này thì Đấng Thế Tôn ngồi vào chiếc ghế dành riêng cho Ngài.

Người chủ gia đình Nakulapita và người nội trợ là Nakulamata (tức là vợ của Nakulapita), cả hai cùng tiến đến gần Đấng Thế Tôn vái chào Ngài rồi ngồi sang một bên. Sau khi an tọa

Nakulapita cất lời thưa với Đấng Thế Tôn như sau:

"Bạch Thế Tôn, từ ngày con đem người nội trợ Nakulamata, lúc ấy còn trẻ dại, về sống nơi căn nhà này với con, con xin thú nhận rằng cho đến hôm nay con chưa bao giờ lừa dối vợ con dù chỉ trong tư tưởng, huống chi bằng hành động thì lại còn khó để mà xảy ra hơn nữa. Bạch Thế Tôn, chúng con hằng mong ước lúc nào cũng nhìn thấy nhau cho đến hết kiếp sống này và sẽ còn nhìn thấy nhau trong kiếp sống tương lai".

Sau đó lại đến lượt người nội trợ Nakulamata cất lời thưa với Đấng Thế Tôn như sau:

"Bạch Thế Tôn, từ khi con còn con gái và được mang về căn nhà này để chung sống với người chồng trẻ tuổi của con là Nakulapita, con xin thú nhận rằng cho đến hôm nay con chưa bao giờ lừa dối chồng con dù chỉ trong tư tưởng, hướng chi bằng hành động thì lại còn khó để mà xảy ra hơn nữa. Bạch Thế Tôn, chúng con hằng mong ước lúc nào cũng nhìn thấy nhau cho đến hết kiếp sống này và sẽ còn nhìn thấy nhau trong kiếp sống tương lai".

Đấng Thế Tôn bèn cất lời với họ như sau:

"Này cả hai gia chủ, nếu cả vợ lẫn chồng ước mong lúc nào cũng nhìn thấy nhau cho đến hết kiếp sống này và còn muốn tiếp tục nhìn thấy nhau trong kiếp sống tương, thì phải có cùng một

niềm tin, một lòng rộng lượng như nhau, noi theo một nền đạo đức như nhau, thực hiện được một trí tuệ như nhau; [được như thế] thì cả hai sẽ nhìn thấy nhau cho đến hết kiếp sống này và sẽ còn nhìn thấy nhau trong kiếp sống tương lai".

Nếu Đức Phật đã từng chứng minh cho chúng ta thấy qua hệ thống giáo lý siêu việt và vô cùng sâu sắc các quy luật toàn cầu chi phối sự vận hành của cả vũ trụ này, chẳng hạn quy luật tương liên, hiện tượng vô thường và bản chất trống không của vạn vật..., khiến cho các khoa học gia, triết gia và học giả Tây phương ngày nay phải kinh ngạc và thán phục, thì trong kiếp nhân sinh của Ngài, Ngài cũng đã từng ngồi xuống để lắng nghe những con người

thật bình dị, đơn sơ và chất phác thô lộ những ước mơ thật tự nhiên và chân thật của họ.

Tuy những ước mơ ấy phản ánh bản chất bám víu và trói buộc đưa họ quay trở lại với thế giới ta-bà, thế nhưng Đức Phật không làm gì khác hơn được và đã chỉ cách cho họ để có thể tiếp tục nhìn thấy nhau, bằng cách hướng họ vào con đường của đạo hạnh, từ bi và trí tuệ. Đây là con đường giúp cho họ đến một ngày nào đó sẽ tìm thấy sự giải thoát tối hậu. Dù cho con đường ấy có thật dài đi nữa, thế nhưng đây cũng là những gì có thể giúp họ mang lại một ý nghĩa nào đó cho sự sống này, và nhất là sẽ giúp cho họ không nhìn thấy nhau *"giống như hai xác chết"* đang sống

cạnh nhau trong kiếp nhân sinh này của họ.

Bures-Sur-Yvette, 11.11.11

Hoang Phong